

Bản án: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 11 - 2017

V/v không công nhận vợ chồng giữa
chị G và anh B

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát.

2. Ông Chu Văn Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2017/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXX-ST ngày 9 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Vi Thị G, sinh năm 1975, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Anh Ngọc Văn B, sinh năm 1973, có mặt.

- Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Vi Thị G trình bày: Chị kết hôn với anh Ngọc Văn B ngày 20/10/1995, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn lại. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay tại gia đình anh B, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị mâu thuẫn phát sinh từ tháng 7/1996 do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh B có mối quan hệ với người phụ nữ khác, từ đó mâu thuẫn ngày một căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2015 và không còn quan hệ tình cảm, nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được nữa, chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngọc Văn T, sinh ngày 21/5/1996, cháu Ngọc Văn C, sinh ngày 5/3/1998. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi và chung sống cùng anh B, do các cháu đã lớn nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại biên bản ghi lời khai và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa bị đơn anh Ngọc Văn B trình: Anh xác định về thời gian và điều kiện kết hôn vợ chồng như chị Vi Thị G vừa trình bày là đúng, anh xác định vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại gia đình anh, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo anh vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2010, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra chị G còn có mối quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, anh có khuyên bảo nhưng chị G không nghe kể từ đó mâu thuẫn xảy ra căng thẳng trầm trọng. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2015 và không còn quan hệ tình cảm, nay chị G có nguyện vọng giải quyết ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngọc Văn T, sinh ngày 21/5/1996, cháu Ngọc Văn C, sinh ngày 5/3/1998. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi và chung sống cùng anh, do các cháu đã lớn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại phiên tòa chị Vi Thị G và anh Ngọc Văn B vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, anh chị không đề nghị giải quyết về con chung và tài sản chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành

đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định, do vậy Tòa án xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 57 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vi Thị G và anh Ngọc Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị G là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện và là hộ nghèo của địa phương nên không phải chịu tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, thuộc trường hợp những vụ án dân sự không được hòa giải quy định tại điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Vi Thị G, bị đơn anh Ngọc Văn B và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Vi Thị G và anh Ngọc Văn B kết hôn với nhau ngày 20/10/1995, trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng chị G và anh B không đi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống từ ngày cưới cho đến nay chị G và anh B không đi đăng ký kết hôn lại theo nghị định số: 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 về việc khuyến khích đăng ký kết hôn, là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay cuộc sống giữa chị G và anh B phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể về chung sống cùng nhau được, chị G có đơn xin ly hôn, anh B đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Do vậy căn

cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử : Không công nhận chị Vi Thị G và anh Ngọc Văn B là vợ chồng

[3] Về con chung: Chị G và anh B có 02 con chung là cháu Ngọc Văn T, sinh ngày 21/5/1996, cháu Ngọc Văn C, sinh ngày 5/3/1998. Do các con đã trên 18 tuổi, chị G và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị G và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị G là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động và là hộ nghèo của địa phương năm 2017 có mã số sổ hộ nghèo số: NSD02521 nên chị G không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vi Thị G và anh Ngọc Văn B là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Vi Thị G.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- THADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên